

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm, mực nước cao nhất ngày 11/8/2025 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-60cm; mực nước thấp nhất cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 25-65cm, thấp hơn từ 10-25cm so vs TBNN.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 11/8 ở mức cao hơn cùng kỳ 2024 và TBNN từ 05-55cm. Mực nước cao nhất tại Long Xuyên đạt mức trên BĐII 04cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất nhất ngày 11/8 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-50cm, mực nước thấp nhất xấp xỉ và thấp hơn từ 05-15cm so với cùng kỳ năm 2024 và TBNN.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô dao động theo triều biển Tây, mực nước cao nhất (ngày 11/8) ở mức 64cm, cao hơn 13cm so với cùng kỳ năm 2024 và TBNN, mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ 2024 khoảng 20cm, xấp xỉ cùng kỳ TBNN.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước xuống theo xu thế triều biển Đông trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm; riêng trên kênh Vĩnh Tế tại trạm Xuân Tô, mực nước có xu thế tiếp tục lên chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên theo xu thế triều biển Tây đến ngày 13/08, sau đó xuống lại.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn, triều cường, nước dâng; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>
Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 13/08/2025
Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 11/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			12/8	13/8	14/8	15/8	16/8	12/8	13/8	14/8	15/8	16/8
		BDI	BDII	BDIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	215	55	-35	265	52	-11	263	261	259	257	254	213	210	207	205	203
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	129	29	4	229	43	44	232	230	228	225	220	130	129	126	123	118
Hậu	Khánh An	420	470	520	359	60	39	366	57	37	365	363	361	359	356	357	356	354	352	349
	Châu Đốc	300	350	400	178	31	-14	248	34	22	246	244	242	239	234	178	177	174	171	168
	Long Xuyên	190	220	250	93	15	24	223	37	59	227	225	223	220	215	94	93	90	87	82
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	140	32	-5	230	40	33	233	231	229	226	221	140	139	136	133	128
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	151	47	47	159	51	-7	161	164	167	170	172	153	155	158	160	162
	Vĩnh Gia	200	240	280	63	17	-4	67	16	-6	69	70	71	73	74	65	67	67	68	70
	Vĩnh Điều	170	200	230	57	16	-3	63	13	-10	64	65	66	67	67	59	60	61	62	62
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	53	4	-3	60	6	-7	61	62	63	64	64	55	56	57	58	58
T5	Nông Trường	160	190	220	60	6	-1	68	9	-3	69	70	71	72	72	62	63	64	65	65
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	106	28	-1	111	21	-1	113	114	115	117	118	108	110	110	111	113
	Cô Tô	140	180	220	104	24	21	108	19	21	109	110	111	112	112	105	106	107	108	108
	Nam Thái Sơn	90	120	150	67	11	-	72	12	-	73	74	75	76	76	68	69	70	71	71
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	64	16	-9	68	16	-9	69	70	71	72	72	65	66	67	68	68
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	118	29	29	129	28	33	130	131	132	132	131	119	120	121	121	120
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	153	35	23	182	35	38	183	184	185	185	184	154	155	156	156	155
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	91	12	-8	113	16	5	114	115	116	116	115	92	93	94	94	93
	Tân Thành	120	150	180	85	21	19	93	19	12	94	95	96	96	95	86	87	88	88	87
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	69	19	22	72	14	11	73	74	75	75	74	70	71	72	72	71
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	1	7	13	46	15	0	50	52	51	49	48	3	5	4	3	1
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-20	-21	1	64	13	13	64	68	67	66	62	-25	-27	-23	-19	-13

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





